

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2022/HS-ST

Ngày: 28-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 205/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Võ T, sinh năm: 1992 tại tỉnh Đồng Tháp; đăng ký thường trú: Ấp P, xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp; đăng ký tạm trú: Tổ 5, khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ S, sinh năm: 1963 và bà Lê N, sinh năm: 1954; bị cáo có vợ tên Lê N, sinh năm: 1996 và 01 con sinh năm: 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 24/5/2022 đến ngày 01/6/2022; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/6/2022; bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2022 - có mặt.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Q, sinh năm: 2000; đăng ký thường trú: Ấp G, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; đăng ký tạm trú: Đường DC1, khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

- Ông Nguyễn L, sinh năm: 2003; đăng ký thường trú: Ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Đường DC1, khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

- Ông Nguyễn T, sinh năm: 1993; đăng ký thường trú: Thôn 1A, xã S, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1993; đăng ký thường trú: Thôn 1A, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bà Nguyễn T, sinh năm: 1989; đăng ký thường trú: Khu phố 9, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Ông Nguyễn N, sinh năm: 1996; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ T, Nguyễn Q và Nguyễn L quen biết nhau do cùng ở trọ tại nhà trọ Đ, đường DC1 thuộc khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương. T ở phòng số 16, Q ở phòng số 20, còn L ở phòng số 22.

Ngày 20/4/2022, một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T tự xưng tên N là nhân viên Ngân hàng Quân Đội (MB) hỏi T có muốn vay tiền của Ngân hàng hay không. T nói muốn vay số tiền 300.000.000 đồng thì N đồng ý cho T làm thủ tục vay với điều kiện T phải chuyển khoản trước cho N 15.000.000 đồng để làm thủ tục giải ngân khoản vay trên. Bản thân không có tiền nên T nảy sinh ý định mượn xe mô tô của Q đem cầm cố. Khoảng 08 giờ ngày 24/4/2022, T đến phòng số 20 gặp Q hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 83P3-689.13. T nói với Q mượn xe đi thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương làm thẻ ATM. Q tin tưởng nên đồng ý giao xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho T. Sau đó, T điều khiển xe 83P3-689.13 đến tiệm cầm đồ M 47, địa chỉ: đường NA7 thuộc khu phố 7, phường H, thị xã C do bà Nguyễn T đứng tên đăng ký kinh doanh và ủy quyền cho ông Nguyễn T quản lý, kinh doanh. T nói dối với ông T là xe mô tô biển số 83P3-689.13 do T mua lại của người khác và đưa giấy đăng ký xe cho ông T xem. Ông T tin tưởng nên đồng ý cầm cố xe mô tô với số tiền 11.500.000 đồng. Sau khi có tiền, T chuyển khoản 12.000.000 đồng vào số tài khoản mà N cung cấp, rồi gọi điện thoại cho N thì N nói phải chuyển thêm 6.500.000 đồng thì khoản vay mới được giải ngân. T không có tiền nên tiếp tục đến gặp Tuấn yêu cầu lấy thêm 6.500.000 đồng. Tuấn hỏi T giấy tờ mua bán xe mô tô biển số 83P3-689.13 đâu thì T nói giấy bán xe ở nhà, để T về lấy. T đến tiệm photocopy gần đó mua một mẫu giấy mua bán xe, rồi T tự điền thông tin với nội dung: “Ngày 25/12/2021, Nguyễn Q bán xe mô tô biển số 83P3-689.13 cho Võ T với số tiền 23.500.000 đồng. T tự ký tên người bán, người mua và người làm chứng”. Sau đó, T đem giấy mua bán xe giả đến đưa cho ông T. Ông T tin tưởng nên đưa thêm cho T 6.500.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục chuyển khoản 6.500.000 đồng cho N, rồi gọi điện thoại cho N nhưng không liên lạc được. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T gặp Q nói xe mô tô của Q bị Công an phường H tạm giữ do T không có bằng lái xe và hứa với Q trong một tuần sẽ trả

xe cho Quy. Sau đó, Q nhiều lần yêu cầu T trả xe mô tô thì T nói dối là Công an tạm giữ xe 40 ngày mới lấy ra được.

Đến ngày 18/5/2022, một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho T tự xưng là cấp trên của N, nói T phải đóng thêm phí bảo hiểm là 12.500.000 đồng mới được giải ngân khoản vay, nếu không đóng thì T sẽ mất số tiền đã đóng cho N. T sợ sẽ mất số tiền đã chuyển cho N nên nảy sinh ý định mượn xe mô tô của ông L đem cầm cố lấy tiền để đóng phí bảo hiểm. Khoảng 19 giờ ngày 21/5/2022, T đến phòng số 22 gặp ông L hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 95E1-283.92 đi ký giấy tờ đất và hứa 01 giờ sau sẽ trả xe. Ông L tin tưởng nên đồng ý giao xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 95E1-283.92 đến tiệm cầm đồ N 47, đưa giấy chứng nhận xe mô tô cho T kiểm tra và yêu cầu Tuấn nhận cầm cố. Ông T thấy T là khách quen nên tin tưởng đồng ý cầm cố xe với số tiền 17.500.000 đồng. Tiền có được, T chuyển khoản 17.247.000 đồng vào số tài khoản mà người đàn ông cung cấp. Sau đó, L yêu cầu T trả xe mô tô biển số 95E1-283.92 thì T nói dối là T bị tai nạn giao thông và Công an thành phố M đang tạm giữ xe.

Ngày 23/5/2022, Nguyễn Q đến Công an phường H hỏi về việc tạm giữ xe mô tô biển số 83P3-689.13 thì được biết xe của mình không bị Công an tạm giữ nên Q cùng L đến Công an phường P trình báo. Sau đó, vụ việc được chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 95E1-283.92;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 95E1-283.92;
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 83P3-689.13;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83P3-689.13;
- 02 biên bản thoả thuận cầm đồ đề ngày 24/4/2022 và ngày 21/5/2022;
- 01 giấy bán xe đề ngày 25/12/2021.

Theo Kết luận định giá tài sản số 64 ngày 30/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã C, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 83P3-689.13 trị giá 23.330.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 95E1-283.92 trị giá 18.160.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 95E1-283.92 do anh Nguyễn N đứng tên đăng ký. Anh N cho Nguyễn L mượn xe làm phương tiện đi lại.

Ngày 09/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C xử lý vật chứng, giao trả:

- 01 xe mô tô biển số 83P3-689.13 cùng giấy đăng ký xe cho Nguyễn Q;
- 01 xe mô tô biển số 95E1-283.92 cùng giấy đăng ký xe cho Nguyễn N.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn T yêu cầu Võ T bồi thường số tiền 35.500.000 đồng. T đồng ý nhưng hiện T chưa có tiền bồi thường.

Bản Cáo trạng số 196/CT-VKSBC ngày 07/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

1. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:

- Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 196/CT-VKSBC ngày 07/11/2022 đối với bị cáo Võ T;

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo T từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông T số tiền 35.500.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

2. Bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ T: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Qđịnh của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng Qđịnh pháp luật. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C còn có sai sót khi chuyển hồ sơ sang Viện Kiểm sát nhân dân không đúng thời hạn quy định tại Điều 232 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Võ T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

- Lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu, bị cáo hỏi mượn tài sản, sau đó mang đi cầm cố đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 83P3-689.13 trị giá 23.330.000 của ông Nguyễn Q và xe Yamaha Exciter, biển số 95E1-283.92, trị giá 18.160.000 đồng của ông Nguyễn L.

- Bị cáo làm giả một giấy mua bán xe mô tô biển số 83P3-689.13 (giấy viết tay) làm ông Tuấn tin tưởng nguồn gốc xe để chiếm đoạt số tiền 6.500.000 đồng của ông T.

Tổng giá trị tài sản Võ T đã chiếm đoạt của các bị hại là 47.990.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản Cáo trạng số 196/CT-VKSBC ngày 07/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Do đó, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo nên phải áp dụng tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với Th chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 35.500.000 đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên cần ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 83P3-689.13 (kèm theo giấy đăng ký xe) và xe mô tô biển số 95E1-283.92 (kèm theo giấy đăng ký xe) do ông Nguyễn Q và ông Nguyễn N đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 09/6/2022, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C giao trả cho ông Q, ông N là phù hợp.

[7] Đối với các đối tượng gọi điện thoại cho T yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản để giải ngân nhằm đoạt số tiền 35.747.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý bằng vụ án khác.

[8] Đối với hành vi nhận cầm cố xe mô tô không thuộc sở hữu của người cầm cố do Nguyễn T thực hiện: Ngày 02/10/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54, xử phạt Nguyễn T số tiền 7.500.000 đồng là phù hợp.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo Qđịnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, Điều 48, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 30, Điều 136, Điều 260, Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 584, Điều 585 và Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Võ T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù Th kể từ ngày 23/11/2022, khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 24/5/2022 đến ngày 01/6/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Võ T bồi thường cho ông Nguyễn T số tiền 35.500.000 đồng (ba mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

3. Về vật chứng: Đã xử lý xong.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Võ T phải chịu 1.775.000 đồng (một triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân